

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2022/DS-PT

Ngày: 27-9-2022

V/v: “Tranh chấp Quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Nguyệt

Ông Nguyễn Thành Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tâm, Thư ký Tòa án - Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Ông Trần Minh Công - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 139/2022/TLPT-DS ngày 15 tháng 8 năm 2022 về tranh chấp: “*Quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 252/2022/QĐ-PT ngày 25/8/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Kiều Văn S, sinh năm: 1974; cư trú tại ngã ba Nam Ka, huyện Lắc, tỉnh Đ, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp:

+ Ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm: 1990; cư trú tại thôn K, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 446, Quyền số 01-SCT/CK, ĐC do Phòng công chứng số 5, tỉnh L chứng thực ngày 05/10/2020), có mặt.

+ Ông Đào Văn L, sinh năm: 1969; cư trú tại thôn B, xã N, huyện L, tỉnh Đ, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 64, Quyền số 02/2022 SCT/CK – ĐC do Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng chứng thực ngày 14/9/2022), có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1966; cư trú tại thôn Đ, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm: 1966; cư trú tại số 05, đường N, Phường 1, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 03/2022-TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Đ chứng thực ngày 03/8/2022), có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L: Ông Huỳnh Hải Đ, sinh năm: 1970; địa chỉ: số 84, đường B, Phường 1, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Luật sư của Văn phòng Luật sư H - Đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị L – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện của ông Kiều Văn S, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm của ông Đào Văn L, ông Nguyễn Văn Ph, người đại diện theo ủy quyền của Ông S, thì: vào năm 2016 ông Kiều Văn S có chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị L diện tích đất 1.871m², thuộc các thửa 53, 54, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại thôn Đ, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng đã được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất. Ông S chuyển nhượng cho bà L 02 lần; lần 01 chuyển nhượng 09m theo chiều ngang mặt đường Quốc lộ 27, chiều dài đến hết đất với giá 9.500.000đ/m² = 85.500.000đ, bớt cho bà L 500.000đ, còn lại 85.000.000đ. Lần 2 chuyển nhượng 15m theo chiều ngang mặt đường Quốc lộ 27, chiều dài đến hết đất, trong đó 10m chuyển nhượng với giá 9.500.000đ, thành tiền là 95.000.000đ; 05m chuyển nhượng với giá 5.000.000đ, thành tiền là 25.000.000đ, tổng số tiền chuyển nhượng đất 02 lần là 205.000.000đ.

Quá trình thực hiện việc chuyển nhượng bà L đã thanh toán đủ tiền cho Ông S, cụ thể lần 01 ngày 02/3/2017 bà L trả cho Ông S số tiền 45.000.000đ, lần 02 ngày 10/3/2017 bà L trả 60.000.000đ. Sau khi thanh toán tiền hai bên đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng và giao Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà L, ngoài 02 lần chuyển nhượng nói trên, Ông S không chuyển nhượng cho bà L thửa đất nào khác. Đối với Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất thuộc thửa 34 do nhà Ông S thường hay mất trộm, sợ bị mất Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất nên Ông S có gửi cho bà L giữ hộ. Ngày 15/3/2017 ông L và Ông S đến nhà bà L để lấy lại Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất thuộc thửa 34 nhưng bà L không chịu trả, đồng thời bà L cho rằng Ông S đã sang nhượng toàn bộ diện tích đất thửa 34 và một phần thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà L. Do bà L có ý đồ chiếm giữ Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất thuộc thửa 34 và hai thửa chưa được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất nên Ông S đã làm đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng để giải quyết. Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng đã ban hành Quyết định cấm các bên không được thay đổi hiện trạng

đất và yêu cầu Công an huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xử lý hành vi lừa đảo của bà L, tuy nhiên, Công an huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cho rằng đây là việc tranh chấp Dân sự nên hướng dẫn Ông S là đơn khởi kiện đến Tòa án.

Nay Ông S khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà L phải trả diện tích đất lấn chiếm khoảng 8.000m². Đối với phần bà L đã san lấp và trồng cây ăn trái, Ông S đồng ý thương lượng bồi thường lại cho bà L.

- Theo lời trình bày của Bà Nguyễn Thị L thì: vào năm 2016 bà có nhận chuyển nhượng của Ông Kiều Văn S 02 thửa đất gồm thửa số 53, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại thôn Đ, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng với giá 81.000.000đ. Thửa thứ hai chiều ngang theo mặt đường Quốc lộ 27 là 18,5m, giá 9.000.000đ/m, thành tiền 166.500.000đ. Bà đã thanh toán cho Ông S khoảng bảy, tám lần và có ghi vào sổ, hai bên đã hoàn thành thủ tục sang nhượng theo quy định pháp luật.

Ngoài ra vào năm 2017 bà có nhận chuyển nhượng của Ông S 45m ngang theo mặt đường Quốc lộ 27 với giá 4.600.000đ/m, thành tiền 205.000.000đ. Do thửa đất trên chỉ có một phần được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất nên hai bên chỉ viết giấy tay, bà đã giao đủ tiền cho Ông S và hai bên có viết giấy nhận tiền chung với giấy sang nhượng đất.

Nay Ông S khởi kiện cho rằng bà lấn chiếm diện tích đất của Ông S và Ông S yêu cầu bà phải trả phần diện tích đất 8.000m² thì bà không đồng ý, vì diện tích đất trên bà nhận chuyển nhượng của Ông S và đã thanh toán tiền đủ tiền nhận chuyển nhượng.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án số 10/2022/DS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2022; Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông Kiều Văn S. Buộc Bà Nguyễn Thị L phải tự tháo dỡ căn nhà chòi, giao trả lại cho Ông Kiều Văn S 7.687m² đất, thuộc thửa số 34 và một phần thửa số 37, tờ bản đồ số 21, bộ bản đồ xã Phi Liêng, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. (Có họa đồ trích đo kèm theo). Trên đất có 09 cây Chanh không hạt, 24 cây Bưởi da xanh, 15 cây bơ ghép, 20 cây mít thái, 09 cây sầu riêng, 44 cây chôm chôm, 19 cây dổi, 10 cây ổi, 20 cây dứa (khóm), 08 cây thanh long, 03 cây vú sữa, 14 cây măng cầu, 06 cây hồng xiêm và 01 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 34, tờ bản đồ số 21 có diện tích 412m².

Ông Kiều Văn S có trách nhiệm thanh toán lại cho Bà Nguyễn Thị L số tiền san lấp mặt bằng và tiền cây trồng trên đất là 340.637.500đ.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 04/7/2022 Bà Nguyễn Thị L kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa,

Bà Nguyễn Thị L vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Ông Đào Văn L, Ông Nguyễn Văn Ph, người đại diện theo ủy quyền của Ông S đề nghị giải quyết như Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị đơn, hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xuất phát từ việc Ông Kiều Văn S cho rằng Bà Nguyễn Thị L lấn chiếm của ông lô đất có diện tích khoảng 8.000m², thuộc một phần thửa 34, một phần thửa 37, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại xã Phi Liên, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng nên yêu cầu bà L trả lại. Bà L cho rằng mà diện tích đất mà nguyên đơn tranh chấp đã được bà L nhận chuyển nhượng của Ông S năm 2017 nên các bên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là “*Tranh chấp Quyền sử dụng đất*” là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Qua xem xét thì thấy rằng:

[2.1] Theo Ông S trình bày năm 2016 ông có chuyển nhượng cho bà L lô đất có diện tích 1.871m², thuộc một phần thửa 53, 54, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại thôn Đ, xã P, huyện Đ, đất đã được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, việc chuyển nhượng được thực hiện làm hai lần, lần đầu chuyển nhượng 09m theo chiều ngang Quốc lộ 27, chiều dài hết đất, giá 9.500.000đ/m, số tiền là 85.500.000đ, bớt cho bà L 500.000đ, còn lại 85.000.000đ; lần hai chuyển nhượng 15m mặt đường quốc lộ 27, chiều dài hết đất, trong đó 10m chuyển nhượng giá 9.500.000đ, thành tiền là 95.000.000đ, 05m còn lại chuyển nhượng với giá 5.000.000đ, thành tiền là 25.000.000đ, tổng cả hai lần chuyển nhượng là 205.000.000đ. Ngoài 02 diện tích đất nói trên thì Ông S không chuyển nhượng cho bà L diện tích đất nào khác, đối với diện tích đất thuộc thửa 34 và 02 thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất bà L tự ý lấn chiếm chứ Ông S không chuyển nhượng. Bà L không thừa nhận lời trình bày nói trên mà cho rằng diện tích đất mà gia đình bà sử dụng hiện nay do bà nhận chuyển nhượng toàn bộ từ Ông S.

[2.2] Tại hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa Ông Kiều Văn S và Bà Nguyễn Thị L được Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng chứng nhận số 09, Quyền số 01/2017 – SCT/HĐ, GD ngày 02/03/2017 thể hiện Ông S chuyển nhượng cho bà L 1.871m² diện tích đất, thuộc các thửa 53, 54, tờ bản đồ số 21, xã Phi Liêng, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, giá chuyển nhượng là 100.000.000đ. Theo “giấy sang nhượng vườn đất” ghi ngày 02/3/2017 thể hiện Ông S chuyển nhượng cho bà L diện tích đất *“05 đến 06 sào Nam bộ, Đông giáp mặt đường Quốc lộ 27, Tây giáp đồi thông, Nam giáp đất Ông S, Bắc giáp đất ông Thiện, chiều ngang mặt đường quốc lộ 27 là 45m, chạy thẳng sang đồi thông, thuộc thửa 34, tờ bản đồ số 21, giá chuyển nhượng là 205.000.000đ...”*.

Quá trình giải quyết vụ án Ông S cho rằng Ông S không ký vào giấy sang nhượng vườn đất ngày 02/03/2017 này mà chỉ chuyển nhượng cho bà L diện tích đất thuộc các thửa 53, 54 và các bên đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng theo quy định. Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh, làm rõ việc chuyển nhượng này có trong thực tế hay không là chưa đầy đủ. Bởi lẽ, tại giấy sang nhượng vườn đất ngày 02/3/2017 thể hiện *“Bà L thanh toán cho Ông S 145.000.000đ, số tiền còn lại là 60.000.000đ, có chữ ký của Ông S, bà L, người làm chứng là Ông Đào Văn L, Dương Văn Cảnh”*.

[2/3] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì ngày 21/12/2016 bà L đưa cho Ông S số tiền 10.000.000đ, giấy nhận tiền có chữ ký của bà L, Ông S, người làm chứng là ông Nguyễn Hữu Sơn, ông Dương Văn Tánh (BL 65), ngày 09/12/2016 AL Ông S nhận của bà L số tiền 63.000.000đ, ngày 14/12/2016 AL Ông S nhận của bà L số tiền 57.000.000đ, ngày 17/12/2016 Ông S nhận của bà L số tiền 30.000.000đ, ngày 08/02/2017 Ông S nhận của bà L số tiền 5.000.000đ, khi nhận tiền thì Ông S có ký vào các tờ giấy này (BL 62), ngoài ra vào ngày 09/12/2017 Ông S nhận của bà L số tiền 40.000.000đ (BL61), toàn bộ các giấy nhận tiền trên thì Ông S ký nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm thì người đại diện theo ủy quyền của Ông S cho rằng giữa bà L và Ông S trước đây không có mối quan hệ hay nợ nần gì nhau. Ông S cho rằng khoản tiền 205.000.000đ mà Ông S ký nhận của bà L là khoản thanh toán tiền của 02 lần bà L nhận chuyển nhượng lô đất thuộc thửa 53 và thửa 54; theo hồ sơ thể hiện thì số tiền này được đưa vào ngày 02/3/2017 và ngày 10/3/2017. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh, làm rõ đối với số tiền trước đây Ông S đã nhận của bà L là tiền gì, bởi lẽ bà L cho rằng số tiền này là tiền nhận chuyển nhượng của hai lô đất thửa 53, 54, còn lô đất đang tranh chấp thì bà L đã thanh toán đủ số tiền 205.000.000đ cho Ông S. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn cho rằng có việc chuyển nhượng Quyền sử dụng đất đối với diện tích đất đang tranh chấp và yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết, tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm cũng không làm rõ vấn đề này để xem xét tính hợp pháp của Hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất nói trên. Trong trường hợp có căn cứ chứng minh trong thực tế các bên có giao dịch đối với diện tích hiện nay đang tranh chấp thì cần phải xem xét tính hợp pháp của việc chuyển nhượng nói trên; cấp

sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn để buộc bị đơn phải trả lại đất là có thiếu sót, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

[3] Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ do Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng lập ngày 12/9/2022 thì bị đơn cho rằng quá trình sử dụng đất có khai phá thêm diện tích đất và trong phần đất này có ông Vũ Đăng Thắng, sinh năm 1973; là người cùng đầu tư, tôn tạo và canh tác trên đất nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Thắng vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, bởi lẽ tại giai đoạn sơ thẩm ông Thắng chỉ trình bày không liên quan đến việc chuyển nhượng Quyền sử dụng đất giữa các bên chứ không trình bày đến việc khai phá, đầu tư, tôn tạo trên đất.

[4] Theo kết quả đo đạc thửa đất theo hiện trạng do Công ty trách nhiệm hữu hạn An Thịnh Lâm Đồng thực hiện ngày 12/9/2022 thể hiện diện tích đất đo đạc thực tế là 8.886m², trong đó có 6.086,9m² nằm trong diện tích đất quy hoạch Lâm nghiệp theo Quyết định số 503/QĐ-UBND ngày 08/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh, làm rõ và đưa Ban quản lý rừng phòng hộ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và lấy ý kiến của Ban quản lý rừng đối với diện tích đất rừng mà hiện nay các bên đang tranh chấp mà chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giao toàn bộ diện tích đất, trong đó có một phần đất rừng cho nguyên đơn là không phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, chưa đánh giá đúng tính chất của vụ án cũng như làm rõ các vấn đề vừa nêu, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung. Do hủy án nên chưa xem xét đến nội dung kháng cáo của bà L.

[6] Khi cấp sơ thẩm thụ lý lại vụ án, cần phải làm rõ việc Ông S ký đơn khởi kiện nộp tại Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, bởi lẽ đơn khởi kiện này không ghi ngày tháng và cấp sơ thẩm không thể hiện dấu công văn đến là ngày nào. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn cho rằng việc nguyên đơn ký đơn khởi kiện cần phải được xem lại, do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm cần phải xem xét đến vấn đề này.

[7] Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tại giai đoạn sơ thẩm, phúc thẩm (đã quyết toán xong), sẽ được xem xét khi cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

[8] Về án phí:

Đây là vụ án tranh chấp Quyền sử dụng đất; xác định đất thuộc quyền sử dụng của ai; theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì án

phí Dân sự sơ thẩm trong trường hợp này là không có giá ngạch; cấp sơ thẩm buộc đương sự phải chịu án phí có giá ngạch là chưa chính xác. Do hủy án nên án phí Dân sự sơ thẩm sẽ được xem xét giải quyết khi cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Do hủy án nên bà L không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Hủy toàn bộ Bản án Dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng về việc “Tranh chấp Quyền sử dụng đất” giữa Ông Kiều Văn S và Bà Nguyễn Thị L.

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng giải quyết lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm; bà L được nhận lại số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/0010124 ngày 07/7/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng KT-NV &THA (01);
- TAND huyện Đ (01);
- Chi cục THADS huyện Đ (01);
- Đương sự (02);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Châu Thạch